

Bản án số: 71/2020/HSST
Ngày 03/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiến
2. Ông Nguyễn Công Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án và Quyết định hoãn phiên tòa, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phi L, sinh năm 1976.

ĐKKHKT: Số 21 CN, phường QT, TP. HD, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Đỗ Thị Kim O; có vợ Phạm Thị H và Phạm Hương G (đều ly hôn); có 04 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 126 ngày 13/3/2017 của Công an TP. Hải Dương xử phạt Nguyễn Phi L số tiền 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 16/3/2017, L đã nộp phạt.

- Bản án HSST số 04 ngày 16/01/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương) xử phạt Nguyễn Phi L 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cường đoạt tài sản của công dân (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 1.000.000đ). Nộp án phí ngày 13/5/1997.

- Bản án HSST số 39 ngày 11/4/1997 của Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương) xử phạt Nguyễn Phi L 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân (01 chiếc xe đạp kiểu dáng mini). Tổng hợp với bản án số 04 ngày 16/01/1997 buộc L phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 21 tháng tù. L chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/1998, nộp án phí 06/9/2002.

- Bản án HSST số 16 ngày 18/8/2000 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Phi L 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản chiếm đoạt 2.000.000đ). L chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/10/2001, nộp án phí ngày 31/10/2000.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 18/12/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; (có mặt tại phiên tòa).

2. **Đỗ Thị V**, sinh năm 1990.

ĐKKHKT và nơi cư trú : Số 68 QT (68 ĐM), phường PNL, TP. HD, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12 (không biết đọc, biết viết; chỉ ký họ tên); Họ tên bố: Không có; mẹ là Đỗ Thị T; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án: Không.

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 07 ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân TP. Hải Dương đối với Đỗ Thị V, thời hạn là 24 tháng. Đến ngày 26/7/2019, V đã chấp hành xong quyết định trên.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 30/6/2017 của Công an phường Nguyễn Trãi- TP. Hải Dương xử phạt Đỗ Thị V số tiền 1.000.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/12/2019 đến ngày 19/12/2019, hiện đang được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị V*: Bà Phạm Hương L2- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp tỉnh Hải Dương; (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị hại*:

+ Ông Phạm Đức H1, sinh năm 1937; trú tại: Số 283 NHC, phường NC, TP. HD, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Tiến Việt H2, sinh năm 1983; trú tại: số 210B CD, phường TP, TP. HD, tỉnh Hải Dương.

(Ông H1 và anh H2 đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Dương Quang H3, sinh năm 1968; trú tại: Thôn VM, xã KA, KT, Hải Dương.

+ Ông Dương Văn C, sinh năm 1968; trú tại: 145 HL, phường LTN, TP. HD, Hải Dương.

(Ông H3 và ông C đều vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

+ Anh Vũ Văn K, sinh năm 1987; trú tại: Số 41 DQ, khu XD, phường TM, TP. Hải Dương.

+ Anh Mạc Văn Q, sinh năm 1982; trú tại: Số 132 TDT, phường NC, TP. HD.

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973; trú tại: Khu 4, phường NC1, TP. HD.

+ Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1955; trú tại: Số 233 BTX, phường LTN, TP. HD.

+ Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1987; trú tại: Số 210D CD, phường TP, TP. HD.

+ Anh Hoàng Ngọc C1, sinh năm 1976; trú tại: 202 CD, phường TP, TP. HD.

+ Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1964; trú tại: Số 68 QT (68 ĐM), phường Phạm Ngũ Lão, TP. HD, tỉnh Hải Dương.

(Những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/8/2019 đến ngày 17/12/2019, trên địa bàn thành phố HD, Nguyễn Phi L và Đỗ Thị V đã thực hiện các hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 05h30' ngày 17/8/2019, khi L đang ở phòng trọ ở 17/8 NT- phường NC- TP. HD thì Mạc Văn Q (tên gọi khác là Mạc Thanh Q), sinh năm 1982, ở số 132 TDT, phường NC, TP. HD nhờ chở đi có việc, L đồng ý. Khoảng 05h30 phút cùng ngày, L điều khiển xe máy hiệu Honda Wave (không biển số) chở Q đi đến khu vực đường DQ, khu XD, phường TM, TP. HD, Q quan sát thấy trước cửa nhà của anh Vũ Văn K ở số 41 đường DQ có dựng 01 chiếc xe máy hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 34B2- 155.47 nhưng không có người trông giữ, Q nảy sinh chiếm đoạt nhưng không nói cho L biết, Q bảo L dừng xe rồi đi về trước để Q xuống đi bộ. Sau khi L đi về, Q đi bộ đến chỗ chiếc xe máy của anh K, dùng vạm phá khóa mang theo từ trước mở ổ khóa điện, điều khiển xe máy đi đến nhà ông Dương Quang H3 ở thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương và gọi điện thoại nhờ L đến nhà ông H3 đón Q. Sau khi L đến, Q gửi chiếc xe máy chiếm đoạt tại nhà ông H3 và vay của ông H3 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) rồi L chở Q về nhà. Khoảng 08h00 phút ngày 21/8/2019, Q đến phòng trọ của L và nói cho L biết chiếc xe máy Honda Dream màu nâu gửi tại nhà ông H3 là tài sản do Q trộm cắp mà có, nếu L muốn lấy xe này để sử dụng thì trả cho ông H3 số tiền 3.000.000đ, L đồng ý. Sau đó, L trả cho ông H3 số tiền 3.000.000đ rồi mang chiếc xe máy về phòng trọ cất giấu. Tại đây, Q nói với L về việc nếu sử dụng thì phải tẩy xóa số khung, số máy, L đồng ý nên Q lấy chiếc máy khoan xóa số máy và 01 phần số khung chiếc xe máy Q chiếm đoạt của anh K. Đến ngày 25/8/2019, tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát hình sự- Công an tỉnh Hải Dương tiến hành kiểm tra phòng trọ, L tự nguyện giao nộp chiếc xe máy hiệu Honda Dream cho cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Hải Dương.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71 ngày 11/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự- UBND TP. Hải Dương kết luận: Giá trị 01 chiếc xe máy hiệu Honda Dream màu nâu là 17.694.000đ.

Vụ thứ 2: Khoảng 21h00 phút ngày 17/12/2019, L điều khiển xe máy (không rõ biển số) chở Đỗ Thị V đi chơi. Khi đi đến đường LQB, phường NC1, TP. HD, V nảy sinh ý định tìm mua chất ma túy (loại ma túy tổng hợp) để sử dụng nhưng không nói cho L biết nên bảo L dừng xe, ngồi đợi để V đi có việc. Sau đó, V đi bộ vào trong ngõ của đường LQB gặp và mua được 01 gói ma túy với số tiền 200.000đ của 01 người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ), V cầm gói ma túy trên tay phải quay lại chỗ L rồi cả hai tiếp tục đi chơi. Đến khoảng 22h00 phút cùng ngày, khi L chở V đến khu vực công nghĩa trang liệt sĩ trên đường HN, phường NC1, TP. HD thì bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an TP. Hải Dương trong khi làm nhiệm vụ kiểm tra, V đã rút gói ma túy vừa mua được xuống dưới đất tại chỗ V đứng, tổ công tác đã lập biên bản, thu giữ ngay dưới chân V 01 gói nilon màu trắng, kích thước (2 x 2)cm bên trong có chứa chất tinh thể dạng cục màu trắng trước sự chứng kiến của Nguyễn Phi L và anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 ở khu 4, P. NC1, TP. HD.

Tại bản kết luận giám định số 17/ KLGD- PC 09 ngày 20/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chất rắn (dạng tinh thể) màu trắng niên phong trong phong bì, ghi thu của Đỗ Thị V, gửi đến giám định khối lượng là: 0,296g (Không phải hai trăm chín mươi sáu gam) là ma túy, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, L và V khai nhận đã cùng nhau thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ 3: Khoảng 16h30 phút ngày 08/9/2019, L điều khiển xe máy (không nhớ biển số) chở V đến khu vực nhà ông Phạm Đức H1 ở số 283 đường NHC, phường NC, TP. HD. Quan sát thấy phía sau nhà này để 01 chiếc lồng inox mái vòm, kích thước (35 x 43 x 45)cm bên trong lồng có 01 con chó lông vàng, giống Cốc cơ (Tây Ban Nha), 05 tháng tuổi, giống cái, cân nặng 04kg nhưng không có người trông giữ, V bảo L dừng xe đứng cạnh giới để V đi bộ đến lấy chiếc lồng bên trong có con chó. Sau khi lấy được tài sản, cả hai đã mang về phòng trọ của L ở số 17/8 NT, phường NC, TP. HD cất giấu. Ngày 18/12/2019, sau khi được thông báo, bà Đỗ Thị T (mẹ đẻ V) đã tự nguyện giao nộp chiếc lồng inox mái vòm cho cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương. Đối với con chó chiếm đoạt được, L và V khai đã cho ông Dương Quang H3 ở thôn VM, xã KA, huyện KT, tỉnh Hải Dương mang về nuôi. Hiện nay, ông H3 không có mặt tại nơi cư trú nên không thu giữ được con chó.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự- UBND TP. Hải Dương kết luận: Giá trị chiếc lồng inox, mái vòm, kích thước (35 x 43 x 45)cm là 120.000đ; 01 con chó màu lông vàng, giống Cốc cơ (Tây Ban Nha), giống cái, cân nặng 04kg, tuổi đời 05 tháng tuổi là 2.500.000đ. Tổng cộng là 2.620.000đ.

Vụ thứ 4: Khoảng 22h30 phút ngày 12/11/2019, L điều khiển xe máy hiệu Honda Dream (không rõ biển số) chở V đi đến khu vực đường CD, phường TP,

TP. HĐ. Thấy trước cửa nhà anh Nguyễn Tiến Việt H2 ở số 210B CD dựng 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 34F4- 8976, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện nhưng không có người trông giữ, L bảo V đứng chờ rồi đi bộ đến chỗ chiếc xe máy của anh H2, nổ máy, điều khiển đi ra đường Thanh Niên còn V điều khiển xe máy đi phía sau. Lúc này, anh Hoàng Ngọc C1 ở số 202 CD phát hiện ra L, đã đi bộ ra chặn đường, cả hai quay đầu xe bỏ chạy đến gửi chiếc xe máy chiếm đoạt được tại nhà xe Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương. Khoảng 02 ngày sau, L và V mang chiếc xe máy đến gửi ông Dương Văn C, ở số 245 HL, phường LTN, TP. HĐ rồi vay của ông C số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Số tiền trên, cả hai đã chi tiêu hết. Đến ngày 18/12/2019, sau khi biết được chiếc xe máy là tài sản do L, V phạm tội mà có, ông C đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương.

Đối với chiếc xe máy L sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, L đã bán cho 01 người không rõ, tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 500.000đ nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 16/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND TP. Hải Dương. Kết luận: Giá trị của 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu sơn xanh, số khung: NF110M0038304, số máy: NF110ME0038304, biển số 34F4-8976 là 4.200.000 đồng; Phí, lệ phí cấp lại 01 biển số xe máy 34F4-8976 là 30.000 đồng; Tổng trị giá là: 4.230.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSTPHD ngày 20/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) thành phố Hải Dương truy tố Đỗ Thị V về các tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy và Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS); truy tố Nguyễn Phi L về các tội: Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo khai nhận hành vi như tại giai đoạn điều tra và truy tố. Ông H3 và ông C không biết các tài sản đã nhận là do các bị cáo trộm cắp được mà có do các bị cáo không nói nguồn gốc tài sản.

- Người bào chữa cho bị cáo V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa cho bị cáo V, nhất trí quan điểm truy tố của VKSND về các tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo V. Đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, n, r, s khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo và xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Bị cáo không có bố, thiếu sự chăm sóc, giáo dục của gia đình là nguyên nhân phạm tội. Khi thực hiện các hành vi phạm tội, bị cáo đang mang thai và nay mới sinh con được gần 01 tháng tuổi, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Vì vậy đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo V từ 12 tháng đến 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và 03 tháng đến 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 15 tháng đến 20 tháng tù. Về án phí, miễn án phí hình sự cho bị cáo.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương giữ quyền công tố phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Phi L. Xử phạt L 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 21 tháng đến 27 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm n, r, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Thị V. Xử phạt V 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 21 tháng đến 27 tháng tù và được trừ đi 02 ngày tạm giữ. Người bào chữa cho bị cáo V đề nghị áp dụng tình tiết điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS là không có căn cứ chấp nhận.

- Căn cứ Điều 47 và 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo L và V liên đới bồi thường cho ông Phạm Đức H1 số tiền 2.500.000đ, mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.250.000đ. Anh Nguyễn Tiến Việt H2 đã nhận lại tài sản trộm cắp nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; ông Dương Văn C không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền 3.000.000đ, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phi L số tiền 500.000đ (chưa nộp). Tịch thu, cho tiêu hủy: Số ma túy thu giữ của bị cáo V hoàn lại sau giám định. Đối với 01 đĩa DVD có đoạn video clip, L và V thực hiện hành vi phạm tội được lưu theo hồ sơ vụ án

Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo V là hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự và dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 08h00 phút ngày 21/8/2019, tại phòng trọ ở 17/8 NT, phường NC, TP. HD, Nguyễn Phi L biết rõ chiếc xe máy hiệu Honda Dream màu nâu trị giá 17.694.000đ là tài sản do Mạc Văn Q trộm cắp được mà có, nhưng Nguyễn Phi L đã đồng ý mua của Q chiếc xe máy trên với số tiền 3.000.000đ để sử dụng.

Trong các ngày 08/9/2019 và ngày 12/11/2019 trên địa bàn thành phố HD, lợi dụng không có người trông giữ tài sản, Nguyễn Phi L và Đỗ Thị V đã cùng nhau chiếm đoạt của ông Phạm Đức H1 01 chiếc lồng inox mái vòm, trị giá 120.000đ bên trong có 01 con chó màu lông màu, giống Cốc cơ (Tây Ban Nha), trị giá 2.500.000đ; chiếm đoạt của anh Nguyễn Tiến Việt H2 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu xanh, biển số 34F4- 8976, trị giá 4.200.000đ. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.820.000đ.

Tiếp đến khoảng 22h00 phút ngày 17/12/2019, tại trước công nghĩa trang liệt sĩ đường HN, phường NC1, TP. HD, Đỗ Thị V đang cất giấu trái phép 0,296 gam Methamphetamine để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Các bị cáo Đỗ Thị V và Nguyễn Phi L đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Ngoài ra, Nguyễn Phi L còn phạm tội độc lập “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS, Đỗ Thị V phạm tội độc lập “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Do đó các bị cáo đã bị VKSND thành phố Hải Dương truy tố về các tội danh và điều luật áp dụng như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xem xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hành vi trộm cắp tài sản: V và L rủ nhau cùng thực hiện 2 hành vi trộm cắp tài sản, cả 2 lần trộm cắp L đều là người điều khiển xe chở V phía sau. Hành vi trộm cắp ngày 08/9/2019 V là người đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, L là người cảnh giới, giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.620.000đ. Hành vi trộm cắp ngày 12/11/2019, L là người đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, V là người đứng cảnh giới, giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.230.000đ. Do đó, đánh giá vị trí vai trò của L cao hơn V. Ngoài ra, các bị cáo còn phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập, L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo L và V thực hiện 2 hành vi trộm cắp tài sản, mỗi hành vi tài sản chiếm đoạt đều trên 2.000.000đ nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tự thú đối với hành vi

trộm cắp tài sản thực hiện ngày 08/9/2019; bị cáo V khi thực hiện hành vi phạm tội đang có thai và bị hại là anh Nguyễn Tiến Việt H2 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo V. Nên bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo V được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s, n khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS.

Do bị cáo V cùng lúc phạm 2 tội, hành vi trộm cắp tài sản phạm tội nhiều lần, hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là tội phạm nghiêm trọng nên người bào chữa cho bị cáo V đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo V là không có căn cứ được chấp nhận.

[4]. Về hình phạt chính: Xét tính chất mức độ nguy hiểm hành vi, vị trí vai trò cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu. Bị cáo L nhiều lần bị kết án và xử phạt hành chính (đều đã xóa), còn bị cáo V có 01 tiền sự và nhân thân bị xử phạt hành chính. Đến nay các bị cáo không hối cải, tiếp tục phạm hai tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc và tổng hợp hình phạt của cả hai tội bắt các bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 1 Điều 55 BLHS.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phạm Đức H1 đã nhận lại 01 chiếc lồng inox, mái vòm. Nay ông yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị con chó là 2.500.000đ nên các bị cáo V và L liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho ông H1, mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.250.000đ.

- Anh Nguyễn Tiến Việt H2 đã nhận lại chiếc xe bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ông Dương Văn C không yêu cầu bị cáo L bồi hoàn số tiền 3.000.000đ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy hoàn lại sau giám định thu giữ của bị cáo V là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy Honda Dream, không có biển số mà bị cáo L cùng V thực hiện hành vi trộm cắp, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Bị cáo L khai đã bán chiếc xe cho người không rõ tên, địa chỉ được 500.000đ nên cần tịch thu sung quỹ số tiền này của L.

- Đối với 01 đĩa DVD có đoạn video clip, L và V thực hiện hành vi trộm cắp chó của ông H1 được lưu theo hồ sơ vụ án.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với Mạc Văn Q và vật chứng của vụ án đã được xét xử, giải quyết tại Bản án HSST số 209 ngày 29/11/2019 của TAND thành phố Hải Dương.

Đối với ông Dương Quang H3 là người được bị cáo cho con chó, ông H3 hiện không có mặt tại nơi cư trú nên cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh; đối với ông Dương Văn C không biết chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu xanh là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Phi L không biết Đỗ Thị V mua ma túy để sử dụng nên không có căn cứ để xử lý.

Đối tượng bán ma túy cho V, Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh làm rõ và sẽ xử lý sau.

[9]. Về án phí: Bị cáo L bị kết tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm. Bị cáo V là hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Phi L.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm n, r, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Thị V.

- Căn cứ Điều 47 và 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi L phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3]. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi L 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 13 (mười ba) tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo L chấp hành **hình phạt chung là 25 (hai mươi lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2019.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị V 10 (mười) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 14 (mười bốn) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo V chấp hành **hình phạt chung là 24 (hai mươi bốn) tháng tù**, được trừ đi 02 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Phi L và Đỗ Thị V liên đới bồi thường cho ông Phạm Đức H1 số tiền 2.500.000đ. L và V mỗi bị cáo phải

bồi thường cho ông H1 số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng).

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Phi L số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), (bị cáo chưa nộp).

- 01 đĩa DVD có đoạn video clip L và V thực hiện hành vi phạm tội được lưu theo hồ sơ vụ án.

- Tịch thu, cho tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 17/KLGD-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hải Dương bên trong đựng chất ma túy hoàn lại sau giám định. *(Hiện, số vật chứng này do Chi cục thi hành án dân sự TP. Hải Dương đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/4/2020 giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự TP. Hải Dương).*

[6]. Về án phí: Bị cáo L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo V được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án .

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Sở Tư pháp;
- VKSND TP. HD;
- Công an TP. HD;
- Chi Cục THADS TP.HD;
- Đội CSHTTP và THA Công an TP.HD;
- Các bị cáo;
- Bị hại; NQLNVLQ;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà